

**CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2017/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày tháng năm 2017*

**Dự thảo lần 2**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về điều kiện kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng Quân sự, Công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014; đã được sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện ngày 22 tháng 11 năm 2016;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ ngày 2 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Quốc phòng ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

*Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 27 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;*

*Chính phủ ban hành Nghị định Quy định về điều kiện kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng Quân sự, Công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh,*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định điều kiện về kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng Quân sự, Công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh (sau đây gọi tắt là quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng,

trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh) trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, doanh nghiệp Việt Nam kinh doanh có điều kiện quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

## **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vũ khí quân dụng là thiết bị, phương tiện hoặc tổ hợp những phương tiện được chế tạo, sản xuất có khả năng gây sát thương, nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người, phá hủy kết cấu vật chất, bao gồm:

a) Súng cầm tay bao gồm: súng ngắn, súng trường, súng tiểu liên, súng trung liên, súng chống tăng, súng phóng lựu;

b) Vũ khí hạng nhẹ bao gồm: súng đại liên, súng cối, súng ĐKZ, súng máy phòng không, tên lửa chống tăng cá nhân;

c) Vũ khí hạng nặng bao gồm: máy bay chiến đấu, trực thăng vũ trang, xe tăng, xe thiết giáp, tàu chiến, tàu ngầm, pháo mặt đất, pháo phòng không, tên lửa;

d) Bom, mìn, lựu đạn, ngư lôi, thủy lôi; đạn sử dụng cho các loại vũ khí quy định tại các điểm a, b và c khoản này.

2. Trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng:

a) Trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng Quân sự, Công an là các trang thiết bị, phương tiện được chế tạo, sản xuất để phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh.

b) Linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng là linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị được chế tạo, sản xuất để thay thế, hỗ trợ hoặc bảo đảm hoạt động cho vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng Quân sự, Công an quy định tại khoản 1 và 2 Điều này.

c) Công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao và dịch vụ chuyển giao công nghệ chuyên dùng.

3. Quân trang bao gồm:

a) Quân hiệu, phù hiệu, cấp hiệu và trang phục quy định tại Nghị định 82/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định quân hiệu, cấp hiệu và trang phục của Quân đội Nhân dân Việt Nam;

b) Công an hiệu, phù hiệu, cấp hiệu và trang phục quy định tại Nghị định số 29/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 04 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 106/2007/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2010 quy định cờ truyền thống, công an hiệu, cấp hiệu, phù hiệu và trang phục của lực lượng Công an nhân dân.

4. Quân dụng là thiết bị, dụng cụ (không bao gồm các loại quy định tại khoản 1 và 2 Điều này) được chế tạo, sản xuất phục vụ các hoạt động quốc phòng, an ninh.

5. Kinh doanh quân trang, quân dụng là việc sản xuất, cung cấp, mua, bán và vận chuyển quân trang, quân dụng.

6. Kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng là việc nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

7. Doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an là doanh nghiệp nhà nước và được công nhận là doanh nghiệp quốc phòng, an ninh.

8. Người đại diện theo pháp luật, người quản lý doanh nghiệp là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Giám đốc.

9. Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng là việc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an căn cứ các quy định tại Nghị định này cấp các Giấy chứng nhận sau:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

đ) Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao và dịch vụ chuyển giao công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

**Điều 4. Nguyên tắc kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Doanh nghiệp được hoạt động kinh doanh có điều kiện quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nếu đủ điều kiện quy định tại Nghị định này và được chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

2. Công khai, minh bạch trong công tác quản lý; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh có điều kiện quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

**Điều 5. Phương thức hoạt động kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao và dịch vụ chuyển giao công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo một trong hai hình thức sau:

a) Thực hiện theo đặt hàng, hợp đồng giữa doanh nghiệp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Thực hiện quyết định hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đặt hàng, hợp đồng sản xuất, cung cấp quân trang, quân dụng; đặt hàng, hợp đồng sản xuất, nghiên cứu, chế tạo, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật; nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao và dịch vụ chuyển giao công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với các doanh nghiệp sau:

a) Doanh nghiệp do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý và được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ;

b) Doanh nghiệp được chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo các quy định tại Nghị định này.

**Điều 6. Thẩm quyền giao nhiệm vụ cho phép vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ, chấp thuận cho phép cho phép kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đối với Tập đoàn, Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an giao nhiệm vụ, chấp thuận cho phép kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đối với Tổng công ty, Công ty do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quyết định thành lập.

**Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm**

1. Hoạt động kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi chưa đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định này.

2. Kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi:

a) Không có hợp đồng, đặt hàng, kế hoạch, quyết định hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền;

b) Sản xuất quá số lượng quy định trong hợp đồng, đơn đặt hàng, kế hoạch, quyết định hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền;

c) Vi phạm pháp luật, các quy định của Nhà nước và các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

d) Không đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định này.

2. Kinh doanh, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

3. Chuyển giao sản phẩm, thông tin, tài liệu; kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ để sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh cho bên thứ ba khi chưa được phép của cấp có thẩm quyền.

4. Lợi dụng hoạt động ngành, nghề kinh doanh có điều kiện để xâm hại trực tiếp hoặc gián tiếp đến quốc phòng, an ninh Quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để gây khó khăn hoặc không chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trái với quy định của Nghị định này; cản trở, gây phiền hà, xâm phạm quyền tự do kinh doanh của

doanh nghiệp; bao che các hành vi vi phạm pháp luật của người có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp đã có đủ điều kiện kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

## **Chương II**

### **ĐIỀU KIỆN KINH DOANH QUÂN TRANG, QUÂN DỤNG; VŨ KHÍ QUÂN DỤNG, TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ CHUYÊN DÙNG PHỤC VỤ NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH**

#### **Mục 1**

#### **ĐIỀU KIỆN KINH DOANH QUÂN TRANG, QUÂN DỤNG PHỤC VỤ NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH**

#### **Điều 8. Điều kiện chung**

1. Tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được kinh doanh quân trang, quân dụng khi cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ.

2. Doanh nghiệp khác được:

a) Kinh doanh quân trang khi có đặt hàng, hợp đồng giữa doanh nghiệp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định tại Nghị định này;

b) Kinh doanh quân dụng khi có đặt hàng, hợp đồng giữa doanh nghiệp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Điều 9. Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Người đại diện theo pháp luật, người quản lý doanh nghiệp đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Không phải là người đại diện theo pháp luật, người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh quân trang phục vụ quốc phòng, an ninh trong 03 năm liền kề.

2. Có năng lực thiết bị, công nghệ, phương tiện sản xuất, trang thiết bị tiêu chuẩn đo lường đáp ứng được các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng quân trang (chất lượng, chất liệu, mẫu mã, quy cách).

3. Có đủ điều kiện về an ninh, trật tự; phòng cháy, chữa cháy; đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường.

4. Có đội ngũ lao động kỹ thuật được đào tạo và đáp ứng được các yêu cầu về chuyên môn, trình độ.

5. Có nhà xưởng sản xuất và các khu vực phụ trợ phải được thiết kế xây dựng đủ diện tích bố trí thiết bị dây chuyền sản xuất quân trang.

6. Có kho cất giữ và phương tiện, thiết bị bảo quản quân trang.

7. Doanh nghiệp có vốn điều lệ của năm trước liền kề tối thiểu là 100 tỷ đồng hoặc doanh thu của năm trước liền kề tối thiểu là 300 tỷ đồng;

8. Tình hình tài chính lành mạnh, không nợ thuế Nhà nước trong 03 năm liên tiếp gần nhất.

#### **Điều 10. Điều kiện kinh doanh quân dụng**

1. Đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 9 Nghị định này.

2. Có vốn điều lệ tối thiểu là 45 tỷ đồng.

3. Tình hình tài chính lành mạnh, không nợ thuế Nhà nước trong 03 năm liên tiếp gần nhất.

4. Có hợp đồng giữa doanh nghiệp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

#### **Mục 2**

### **ĐIỀU KIỆN NGHIÊN CỨU, CHẾ TẠO, SẢN XUẤT, SỬA CHỮA, MUA, BÁN, XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VŨ KHÍ QUÂN DỤNG, TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT CHUYÊN DỤNG PHỤC VỤ NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH**

#### **Điều 11. Điều kiện chung**

1. Tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ.

2. Doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 3 Nghị định này khi đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Có đặt hàng, hợp đồng giữa doanh nghiệp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 3 Nghị định này khi đáp ứng được các quy định sau:

a) Có đặt hàng, hợp đồng giữa doanh nghiệp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

4. Điều kiện xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh:

a) Có kế hoạch xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Việc nhập khẩu vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phải căn cứ vào nhu cầu, mục đích sử dụng phục vụ quốc phòng, an ninh;

c) Việc xuất khẩu vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phải tuân thủ các Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thoả thuận quốc tế giữa bên Việt Nam với bên nước ngoài;

d) Vũ khí quân dụng xuất khẩu, nhập khẩu phải bảo đảm các yêu cầu về quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật; tên nước sản xuất, cơ sở sản xuất, năm sản xuất, hạn sử dụng, chủng loại, số hiệu, nhãn hiệu, ký hiệu trên từng vũ khí quân dụng;

đ) Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng do Thủ tướng Chính phủ quyết định và tuân thủ theo pháp luật về thương mại, độc quyền Nhà nước trong lĩnh vực thương mại.

6. Điều kiện vận chuyển vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh:

a) Có Mệnh lệnh vận chuyển do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Quốc phòng cấp đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này hoặc Giấy phép vận chuyển vũ khí của cơ quan có thẩm quyền cấp đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều này;



- b) Bảo đảm bí mật, an toàn và các điều kiện về phòng cháy, chữa cháy;
- c) Vận chuyển vũ khí phải sử dụng phương tiện chuyên dùng; không chở vũ khí và người trên cùng một phương tiện, trừ người có trách nhiệm trong việc vận chuyển;
- d) Không dừng đỗ, phương tiện vận chuyển vũ khí ở nơi đông người, khu vực dân cư, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc do sự cố, khi không đủ lực lượng bảo vệ phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự, cơ quan công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ.

**Điều 12. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đối với vũ khí quân dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này:

a) Người đại diện theo pháp luật, người quản lý doanh nghiệp có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; không phải là người đại diện theo pháp luật, người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong 03 năm liền kề.

b) Có năng lực thiết bị, công nghệ, phương tiện sản xuất, trang thiết bị tiêu chuẩn đo lường đáp ứng được các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng;

c) Có đủ điều kiện về an ninh, trật tự; phòng chống cháy, nổ và đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường;

d) Có đội ngũ lao động kỹ thuật được đào tạo đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn;

đ) Có nhà xưởng sản xuất và các khu vực phụ trợ được thiết kế xây dựng đủ diện tích bố trí thiết bị dây chuyền sản xuất;

e) Có kho cất giữ và phương tiện, thiết bị bảo quản;

g) Khu vực sản xuất, khu thử nghiệm, kho, khu cất giữ, bảo quản vũ khí quân dụng, trang bị kỹ thuật chuyên dùng phải bố trí, thiết kế, xây dựng đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn, phòng chống cháy, nổ, bảo đảm môi trường theo quy định; có nội quy, phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy, kế hoạch hoặc biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố và phương tiện bảo đảm an toàn được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

h) Doanh nghiệp có vốn điều lệ của năm trước liền kề tối thiểu là 100 tỷ đồng hoặc doanh thu của năm trước liền kề tối thiểu là 300 tỷ đồng;

i) Không nợ thuế Nhà nước trong 03 năm liền kề liên tiếp trước đó.

2. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đối với vũ khí quân dụng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định này:

a) Đáp ứng được các quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, và i khoản 1 Điều này;

b) Doanh nghiệp có vốn điều lệ của năm trước liền kề tối thiểu là 500 tỷ đồng hoặc doanh thu của năm trước liền kề tối thiểu là 1.000 tỷ đồng.

3. Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh đối với vũ khí quân dụng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 3 Nghị định này:

a) Đáp ứng được các quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, và i khoản 1 Điều này;

b) Được cấp có thẩm quyền công nhận là doanh nghiệp công nghệ cao;

c) Doanh nghiệp có vốn điều lệ của năm trước liền kề tối thiểu là 1.800 tỷ đồng hoặc doanh thu của năm trước liền kề tối thiểu là 1.500 tỷ đồng.

4. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được phép kinh doanh:

a) Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

b) Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, cải tiến, xuất khẩu, nhập khẩu linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị kỹ thuật chuyên quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định tại khoản 3 Điều này thì được phép kinh doanh:

a) Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều 3 Nghị định này;

b) Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, cải tiến, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định này.

**Điều 13. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, cải tiến, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, cải tiến, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định này khi đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, cải tiến, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Nghị định này khi đáp ứng được các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

### **Mục 3**

## **ĐIỀU KIỆN KINH DOANH CÔNG NGHỆ CHUYÊN DÙNG**

### **Điều 14. Điều kiện chung**

1. Tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an được nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao và dịch vụ chuyển giao công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ.

2. Doanh nghiệp đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định này thì được nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao và dịch vụ chuyển giao công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Trường hợp doanh nghiệp không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 và 2 Điều này chỉ được phép nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao và dịch vụ chuyển giao công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khi đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Có đặt hàng, hợp đồng giữa doanh nghiệp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an và được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao và dịch vụ chuyển giao công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

**Điều 15. Điều kiện Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao và dịch vụ chuyển giao công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Người đại diện theo pháp luật, người quản lý doanh nghiệp phải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; không phải là người đại diện theo pháp luật, người quản lý doanh nghiệp của doanh nghiệp đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện về kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong 03 năm liền kề.

2. Được cấp có thẩm quyền công nhận là doanh nghiệp công nghệ cao.

3. Được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

4. Có năng lực thiết bị, công nghệ, phương tiện, trang thiết bị tiêu chuẩn đo lường đáp ứng được các yêu cầu nghiên cứu công nghệ.

5. Có đủ điều kiện về an ninh, trật tự; phòng chống cháy, nổ và đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường.

6. Có đội ngũ lao động kỹ thuật được đào tạo và đáp ứng được các yêu cầu về chuyên môn, trình độ;

7. Có phòng thí nghiệm, thử nghiệm.

8. Doanh nghiệp có tổng nguồn vốn của năm trước liền kề tối thiểu là 300 tỷ đồng hoặc doanh thu của năm trước liền kề tối thiểu là 600 tỷ đồng.

9. Không nợ thuế Nhà nước trong 03 năm liền kề liên tiếp trước đó.

### **Chương III**

#### **THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH**

##### **Mục 1**

#### **THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH QUÂN TRANG PHỤC VỤ NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG AN NINH**

**Điều 16. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng;

2. Bộ trưởng Bộ Công an cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ an ninh.

**Điều 17. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo Mẫu 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; Giấy chứng nhận phòng cháy chữa cháy và Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường do cấp có thẩm quyền cấp.

3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 03 năm gần nhất và các tài liệu chứng minh năng lực tài chính.

4. Văn bản xác nhận nghĩa vụ nộp thuế của cơ quan thuế theo quy định tại thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

5. Danh sách người đại diện theo pháp luật, người quản lý quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này kèm theo hồ sơ của người quản lý gồm: Bản khai lý lịch có xác nhận của cấp có thẩm quyền; bản sao bằng tốt nghiệp chứng minh trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật.

6. Bản kê khai lao động và tóm tắt lý lịch, trình độ chuyên môn của từng lao động.

7. Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho, khu vực cất giữ, bảo quản quân trang, quân dụng; bản sao thiết kế mặt bằng công nghệ dây chuyền sản xuất; quy trình công nghệ sản xuất; danh mục máy móc, thiết bị trong dây chuyền, nhà máy sản xuất chính.

**Điều 18. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Các trường hợp cấp lại:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh bị hư hỏng;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh bị mất;

c) Có sự thay đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến thông tin về doanh nghiệp ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh;

d) Doanh nghiệp không hoạt động kinh doanh quân trang liên tục trong vòng 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại khoản 2 Điều 17 Nghị định này, nếu tiếp tục có nhu cầu kinh doanh quân trang thì đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận.

## 2. Hồ sơ đề nghị cấp lại:

a) Đối với trường hợp cấp lại quy định tại điểm a khoản 1 Điều này hồ sơ gồm: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo Mẫu 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đối với trường hợp cấp lại quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hồ sơ gồm: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo Mẫu 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và văn bản có xác nhận của cơ quan công an về nội dung trình báo mất Giấy chứng nhận;

c) Đối với trường hợp cấp lại quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo Mẫu 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và các văn bản chứng minh sự thay đổi, bổ sung trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh;

d) Đối với trường hợp cấp lại quy định tại điểm d khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm các văn bản quy định tại Điều 16 Nghị định này.

## **Điều 19. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh:

a) Doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 và 9 Nghị định này, lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ theo quy định tại Điều 16 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện

kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện cho doanh nghiệp;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh có giá trị không thời hạn và theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này:

a) Doanh nghiệp gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều 17 Nghị định này;

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận quy định tại điểm a khoản 1 Điều 17 Nghị định này là 07 ngày làm việc; tại điểm b khoản 1 Điều 17 Nghị định này là 10 ngày làm việc; tại điểm c khoản 1 Điều 17 Nghị định này là 30 ngày làm việc.

### **Điều 20. Các trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Vi phạm một trong các quy định tại Điều 7, 9 và 10 Nghị định này.

2. Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nhưng không được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiếp tục đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất và cung ứng các sản phẩm quân trang.

3. Vi phạm một trong các quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

4. Không duy trì các điều kiện đã quy định tại Nghị định này trong quá trình hoạt động kinh doanh.

5. Nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là giả mạo.

6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

7. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 1, 3 và 4

Điều này sẽ không được cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

## Mục 2

### **THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN NGHIÊN CỨU, CHẾ TẠO, SẢN XUẤT, SỬA CHỮA VŨ KHÍ QUÂN DỤNG PHỤC VỤ NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH**

**Điều 21. Thẩm quyền cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng.

2. Bộ trưởng Bộ Công an cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ an ninh;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ an ninh.

**Điều 22. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 1 và 2 Điều 12 Nghị định này gồm:

a) Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo Mẫu 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;



b) Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; Giấy chứng nhận phòng cháy chữa cháy; Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường do cấp có thẩm quyền cấp;

c) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 03 năm gần nhất và các tài liệu chứng minh năng lực tài chính;

d) Văn bản xác nhận nghĩa vụ nộp thuế của cơ quan thuế theo quy định tại thời điểm đề nghị Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh;

đ) Danh sách người đại diện theo pháp luật, người quản lý quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị định này kèm theo hồ sơ của từng người gồm: Bản khai lý lịch có xác nhận của cấp có thẩm quyền; bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp chứng minh trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật;

e) Bản kê khai lao động và tóm tắt lý lịch, trình độ chuyên môn của từng lao động;

g) Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, kho tàng; bản sao hợp lệ thiết kế, bố trí mặt bằng, bố trí dây chuyền công nghệ sản xuất; danh mục máy móc, thiết bị trong dây chuyền, nhà máy sản xuất chính.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định này gồm:

a) Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cấp.

3. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh tại Điều 13 Nghị định này gồm:

a) Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo Mẫu 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Các văn bản quy định tại điểm b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này.

**Điều 23. Hồ sơ đề nghị cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Trường hợp cấp lại:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh bị hư hỏng;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh bị mất;

c) Có sự thay đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến thông tin của doanh nghiệp ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh;

d) Trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp đã được Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thay đổi, bổ sung nội dung kinh doanh.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh:

a) Đối với trường hợp cấp lại quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo Mẫu 03 và Mẫu 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đối với trường hợp cấp lại quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo Mẫu 03 và Mẫu 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Đối với trường hợp cấp lại quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm: Tờ khai đề nghị cấp Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo Mẫu 03 và Mẫu 05 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và các văn bản chứng minh sự thay đổi, bổ sung trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh;

d) Đối với trường hợp cấp lại quy định tại điểm c khoản 1 và điều chỉnh khoản 2 Điều này, hồ sơ gồm các văn bản quy định tại Điều 22 Nghị định này.

**Điều 24. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa,

mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh:

a) Doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 10 và 11 hoặc Điều 13 Nghị định này, lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 22 Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ theo quy định tại Điều 22 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện cho doanh nghiệp;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh không có thời hạn và theo Mẫu số 04 và số 06 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này:

a) Doanh nghiệp gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c hoặc điểm d khoản 3 Điều 23 Nghị định này;

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định này là 07 ngày làm việc; tại điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị định này là 10 ngày làm việc; tại điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị định này là 45 ngày làm việc.

3. Trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này:

a) Doanh nghiệp gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 23 Nghị định này;

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận là 45 ngày làm việc.

**Điều 25. Trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Vi phạm một trong các quy định tại Điều 7, 11 và 12 hoặc Điều 13 Nghị định này.

2. Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận nhưng không được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiếp tục đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Vi phạm một trong các quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

4. Không duy trì các điều kiện đã quy định tại Nghị định này trong quá trình hoạt động kinh doanh.

5. Nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận là giả mạo.

6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận.

7. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này sẽ không được cấp lại Giấy chứng nhận.

**Mục 3**  
**THẨM QUYỀN, TRÌNH TỰ THỦ TỤC**  
**CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH**  
**CÔNG NGHỆ CHUYÊN DÙNG CHẾ TẠO VŨ KHÍ QUÂN DỤNG,**  
**TRANG THIẾT BỊ KỸ THUẬT CHUYÊN DÙNG**  
**PHỤC VỤ NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG, AN NINH**

**Điều 26. Thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

2. Bộ trưởng Bộ Công an cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

**Điều 27. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.**

1. Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo Mẫu 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự; Giấy chứng nhận phòng cháy chữa cháy; Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường; Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao do cấp có thẩm quyền cấp.

3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 03 năm gần nhất và các tài liệu chứng minh năng lực tài chính.

4. Văn bản xác nhận nghĩa vụ nộp thuế của cơ quan thuế theo quy định tại thời điểm đề nghị Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

5. Danh sách người đại diện theo pháp luật, người quản lý quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định này kèm theo hồ sơ của người quản lý gồm: Bản

khai lý lịch có xác nhận của cấp có thẩm quyền; bản sao hợp lệ bằng tốt nghiệp chứng minh trình độ học vấn, chuyên môn kỹ thuật.

6. Bản kê khai lao động và tóm tắt lý lịch, trình độ chuyên môn của từng lao động.

7. Bản kê khai hệ thống nhà xưởng, phòng thí nghiệm, thử nghiệm; danh mục máy móc, thiết bị phục vụ nghiên cứu công nghệ.

**Điều 28. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Trường hợp cấp lại:

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh bị hư hỏng;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh bị mất;

c) Có sự thay đổi, bổ sung các nội dung liên quan đến thông tin của doanh nghiệp ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh;

d) Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định này nếu có nhu cầu tiếp tục kinh doanh vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng thì đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh:

a) Đối với trường hợp cấp lại quy định tại điểm a khoản 1 Điều này hồ sơ gồm: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo Mẫu 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đối với trường hợp cấp lại quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật

chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo Mẫu 07 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Đối với trường hợp cấp lại quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo Mẫu 07 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và các văn bản chứng minh sự thay đổi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh;

d) Đối với trường hợp cấp lại quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, hồ sơ gồm các văn bản quy định tại Điều 27 Nghị định này.

**Điều 29. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh:

a) Doanh nghiệp có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 14 và 15 Nghị định này, lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 27 Nghị định này gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung hồ sơ theo quy định tại Điều 27 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 45 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thẩm định, cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và trả kết quả trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu điện;

Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm



vụ quốc phòng, an ninh không có thời hạn và theo Mẫu số 08 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Nghị định này:

a) Doanh nghiệp gửi Bộ Quốc phòng, Bộ Công an 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a hoặc điểm b hoặc điểm c hoặc điểm d khoản 3 Điều 27 Nghị định này;

b) Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Thời gian thực hiện cấp lại Giấy chứng nhận quy định: tại điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị định này là 07 ngày làm việc; tại điểm b khoản 1 Điều 27 Nghị định này là 10 ngày làm việc; tại điểm c khoản 1 Điều 27 Nghị định này là 30 ngày làm việc; tại điểm d khoản 1 Điều 27 Nghị định này là 45 ngày làm việc.

**Điều 30. Các trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh**

1. Vi phạm một trong các quy định tại Điều 7, 14 và 15 Nghị định này.

2. Trong thời gian 12 tháng kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nhưng không được Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tiếp tục đặt hàng, giao kế hoạch nghiên cứu công nghệ sản xuất vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Vi phạm một trong các quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.

4. Không duy trì các điều kiện đã quy định tại Nghị định này trong quá trình hoạt động kinh doanh.

5. Nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh là giả mạo.

6. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

7. Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều này sẽ không được cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh công nghệ chuyên dùng chế tạo vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

## Chương IV

### CHẾ ĐỘ KIỂM TRA VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

#### **Điều 31. Chế độ thanh tra, kiểm tra**

Định kỳ hàng năm và đột xuất, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định về kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

#### **Điều 32. Bảo mật thông tin**

Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện bảo vệ thông tin theo pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với các nội dung sau:

1. Hợp đồng, đơn chào hàng, đặt hàng; Hồ sơ đấu thầu và các tài liệu liên quan trong hoạt động kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

2. Các tài liệu liên quan tính năng kỹ chiến thuật, tiêu chuẩn, chất lượng, số lượng quân trang, quân dụng; vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

3. Sản phẩm mẫu, chế thử, sản phẩm bị lỗi, hư hỏng trong quá trình sản xuất, cung ứng quân trang, quân dụng và nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, cải tiến, hiện đại hóa vũ khí quân dụng, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

## Chương V

### TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

#### **Điều 33. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng**

1. Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước đối với kinh doanh có điều kiện quân trang, quân dụng; vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng.

2. Chỉ đạo các cơ quan thuộc quyền:

a) Xây dựng và ban hành Quy chế thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ quốc phòng; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao và dịch vụ chuyển giao công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng;

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

3. Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát theo thẩm quyền về kinh doanh có điều kiện quân trang, quân dụng; vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng.

4. Định kỳ 06 tháng, 01 (một) năm tổng hợp tình hình thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng.

#### **Điều 34. Trách nhiệm của Bộ Công an**

1. Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ về quản lý nhà nước đối với kinh doanh có điều kiện quân trang, quân dụng; vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ an ninh.

2. Chỉ đạo đơn vị thuộc quyền:

a) Xây dựng và ban hành Quy chế thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quân trang phục vụ nhiệm vụ an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa vũ khí quân dụng phục vụ nhiệm vụ an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, mua, bán, xuất khẩu, nhập khẩu trang thiết bị kỹ thuật chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ an ninh; Giấy chứng nhận đủ điều kiện nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao và dịch vụ chuyển giao công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ an ninh;

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

3. Thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát theo thẩm quyền về kinh doanh có điều kiện quân trang, quân dụng; vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ an ninh.

4. Định kỳ 06 tháng, 01 (một) năm tổng hợp tình hình thực hiện các quy định về điều kiện kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ an ninh.

#### **Điều 35. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý hoạt động kinh doanh quân trang, quân dụng; vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật và công nghệ chuyên dùng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ các điều kiện quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 36. Trách nhiệm của doanh nghiệp**

1. Phải bảo đảm điều kiện về an ninh, trật tự, an toàn, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động nghiên cứu, chế tạo, sản xuất sửa chữa vũ khí.

2. Duy trì thường xuyên, liên tục các điều kiện kinh doanh trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

3. Định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo Mẫu số 11 tại Nghị định này về Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

a) Báo cáo 06 tháng đầu năm: trước ngày 20 tháng 7;

b) Báo cáo năm: trước ngày 20 tháng 01.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 37. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2017.

#### **Điều 38. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC ( b).

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**